

**CHÍNH QUYỀN CHÚA NGUYỄN VỚI TĂNG NHÂN
TRUNG HOA Ở ĐÀNG TRONG THẾ KỶ XVII - XVIII:
MỘT SỐ TĂNG NHÂN TIÊU BIỂU**

Tóm tắt: Thế kỷ XVII-XVIII, trong bối cảnh chính trị đầy biến động, Phật giáo Đàng Trong phải đối mặt với hàng loạt khó khăn nhất là vấn đề thiếu lực lượng tăng sĩ. Trước tình hình đó, chính quyền chúa Nguyễn có xu hướng dựa vào lực lượng tăng nhân Trung Hoa (Minh Hương) để chấn hưng đời sống Phật giáo Đàng Trong. Tiếp cận từ các góc độ Sử học, Chính trị học, Tôn giáo học, trên cơ sở nghiên cứu một số vị tăng nhân tiêu biểu, bài viết tập trung phân tích mối quan hệ giữa chính quyền chúa Nguyễn với tăng nhân Trung Hoa nhằm góp phần làm rõ vai trò, đóng góp của tăng nhân Trung Hoa đối với đời sống Phật giáo Đàng Trong thời kỳ này.

Từ khoá: Phật giáo, Đàng Trong, Chúa Nguyễn, tăng sĩ, người Hoa, thế kỷ XVII-XVIII.

Dẫn nhập

Tăng nhân Trung Hoa đã có vai trò đặc biệt quan trọng đối với công cuộc chấn hưng Phật giáo ở Đàng Trong thế kỷ XVII-XVIII. Khoảng cuối thế kỷ XVII, các dòng người Hoa (Minh Hương) di cư được chính quyền chúa Nguyễn cho phép định cư tại một số khu vực Đàng Trong. Thời điểm đó, Phật giáo Đàng Trong đang gặp nhiều khó khăn, nhất là vấn đề thiếu lực lượng tăng sĩ. Nằm trong chủ trương phát triển Phật giáo, kể từ đây chính quyền chúa Nguyễn có xu hướng dựa vào Phật giáo Trung Hoa, một mặt, chính quyền chúa Nguyễn tăng cường mối quan hệ với tăng nhân Trung Hoa (Minh Hương) ở

* Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.
Ngày nhận bài: 2/12/2023; Ngày biên tập: 14/12/2023; Duyệt đăng: 20/12/2023.

trong nước, mặt khác, sai người sang Trung Hoa *mua kinh, thỉnh tăng* thúc đẩy hoàng pháp ở Đàng Trong.

Mối quan hệ giữa các chúa Nguyễn với tăng nhân Trung Hoa được phản ánh qua một số nguồn sử liệu, như: *Đại Nam thực lục (tiền biên)*, *Đại Nam nhất thống chí*, *Đại Nam liệt truyện*, *bia ký*, *bút ký*... Ngoài trừ cuốn *Hải ngoại kỷ sự* của Thích Đại Sán có những ghi chép chi tiết thì hầu hết đều là những ghi chép tóm tắt và tản mạn. Bên cạnh đó, việc chính quyền chúa Nguyễn dựa vào tăng nhân Trung Hoa để chấn hưng Phật giáo cũng được đề cập rải rác trong một số công trình nghiên cứu lịch sử Phật giáo ở Đàng Trong, như: *Phật giáo Đàng Trong* của Nguyễn Hiền Đức (1995), *Phật giáo trong cộng đồng người Việt ở Nam Bộ - Việt Nam (từ thế kỷ XVII đến 1975)* của Trần Hồng Liên (1995), *Lịch sử Phật giáo xứ Huế* của Thích Hải Ấn, Hà Xuân Liêm (2001), Hoặc được đề cập trực tiếp trong các công trình nghiên cứu về người Hoa, như: *Văn hoá người Hoa ở Nam bộ* của Hội Văn học Nghệ thuật các dân tộc thiểu số thành phố Hồ Chí Minh (2016), *Người Hoa người Minh Hương với văn hoá Hội An* của Nguyễn Ngọc Thơ (2018); *Chính sách của các vương triều Việt Nam đối với người Hoa* của Huỳnh Ngọc Đáng (2018)... Đáng chú ý, đã có một số bài viết đề cập trực tiếp tới vai trò đóng góp của tăng nhân Trung Hoa đối với đời sống Phật giáo Đàng Trong, tiêu biểu như: “Sự du nhập và phát triển Phật giáo Đàng Trong thế kỷ XVII-XVIII: Nhìn từ phương diện tiếp xúc văn hoá” của Trần Xuân Hiệp, *UED Journal of Social Sciences, Humanities and Education*, Vol.3, No.1 (2013), “Vai trò của tăng sĩ Trung Hoa hoàng pháp tại Việt Nam thế kỷ XVII-XVIII”, Nguyễn Hữu Sử, *Nghiên cứu Tôn giáo*, Số 4, 2013... Các nghiên cứu trên cung cấp cái nhìn bao quát về đời sống Phật giáo Đàng Trong cùng những đóng góp của tăng nhân Trung Hoa, tuy nhiên mối quan hệ giữa chính quyền Đàng Trong và các tăng nhân Trung Hoa thời kỳ này hầu như chưa được chú ý đề cập một cách đầy đủ.

Trong dòng chảy lịch sử Phật giáo Đàng Trong thế kỷ XVII-XVIII, giữa chính quyền chúa Nguyễn với hàng ngũ tăng, sĩ có mối quan hệ đặc biệt gắn bó song cũng không ít biến động. Trong hơn 200 năm nắm quyền, chính quyền chúa Nguyễn liên tiếp phải đối mặt với các lực

lượng chống đối cả bên trong và bên ngoài. Đáng chú ý, trong một số biến cố chính trị, chính quyền chúa Nguyễn có thái độ nghi ngờ các vị thiền sư. Về phía các vị thiền sư, thường lựa chọn các giải pháp *bỏ trốn, ẩn tu*, hoặc *né tránh* mối liên hệ với chính quyền. Tuy nhiên, trong bối cảnh đó, nổi lên một số gương mặt tiêu biểu có nhiều đóng góp đối với đời sống Phật giáo Đàng Trong là các thiền sư người Trung Hoa, như: *thiền sư Nguyên Thiều, thiền sư Thạch Liêm, thiền sư Minh Hải...*

Trong khuôn khổ của bài viết, chúng tôi điếm qua một số gương mặt tăng nhân Trung Hoa tiêu biểu có ảnh hưởng lớn tới đời sống Phật giáo Đàng Trong thế kỷ XVII-XVIII. Thông qua các tiếp cận *Sử học, Chính trị học, Tôn giáo học*, bài viết góp phần làm rõ một số khía cạnh đời sống Phật giáo ở Đàng Trong, đặc biệt là mối quan hệ giữa chính quyền chúa Nguyễn đối với tầng nhân Trung Hoa thời kỳ này.

1. Khái quát đời sống Phật giáo ở Đàng Trong thế kỷ XVII-XVIII

Trước khi Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hóa (1558), tại đây đã có một số ngôi chùa của người Việt [Dương Văn An, 2009: 91-95] và chùa của người Hoa [Nguyễn Ngọc Thơ, 2018: 116]. Tiếp quản vùng đất hoang sơ người Việt, người Chăm sống đan xen với thành phần cư dân phức tạp, Nguyễn Hoàng ngay từ rất sớm đã đề ra chủ trương phát triển Phật giáo để *quy tụ nhân tâm* [Quốc sử Quán triều Nguyễn, 2004: 28]. Mặc dù được chính quyền chúa Nguyễn hậu thuẫn song Phật giáo Đàng Trong thời kỳ này gặp rất nhiều khó khăn.

Trước hết, cuộc chiến tranh Trịnh-Nguyễn (1627-1672) đã làm cho Phật giáo Đàng Trong bị cắt đứt liên hệ giữa với Phật giáo Đàng Ngoài, nhanh chóng bị rơi vào khủng hoảng, đặc biệt là tình trạng thiếu lực lượng tăng sỹ. Lúc này, Phật giáo Đàng Trong chủ yếu dựa vai trò dẫn dắt của thiền sư Minh Châu - Hương Hải (người Việt, quê ở làng Bình An thượng, phủ Thăng Hoa). Tuy nhiên, chúa Nguyễn nghe lời một số quan lại nghi ngờ thiền sư Hương Hải liên quan đến vấn đề chính trị (dù không có bằng chứng), do đó, năm 1682, Hương Hải cùng 50 đệ tử dùng thuyền chạy trốn ra Bắc, Phật giáo Đàng Trong càng trở nên khó khăn.

Khoảng cuối thế kỷ XVII - đầu XVIII, chúa Nguyễn cho phép các dòng người Hoa (Minh Hương) vào định cư ở một số khu vực ở Đàng Trong (*Mô Soài, Mỹ Tho, Gia Định*) trong đó có nhiều vị là sư tăng. Đáng chú ý, trong hàng ngũ tăng nhân Trung Hoa ở Đàng Trong, thiền sư Nguyên Thiều được các chúa Nguyễn đặc biệt tin tưởng. Sau khi khai sơn chùa Thập Tháp - Di Đà ở Bình Định, thiền sư thường xuyên được các chúa Nguyễn mời ra *Thuận Hoá, Ngũ Hành Sơn, cửa biển Tư Dung*... Trên cơ sở đó, thiền sư có nhiều đóng góp trong việc phát triển thiền phái Lâm Tế trên vùng đất Đàng Trong.

Tuy nhiên, nhiều vụ bạo loạn của người Hoa liên tiếp xảy ra trong các năm 1692, 1694, khiến các chúa Nguyễn phải cảnh trọng với tăng nhân người Hoa ở trong nước, đồng thời, cử người sang Trung Hoa *mua kinh, thỉnh tạng*. Sau đó, Nguyễn Phúc Chu mời được thiền sư Thạch Liêm sang hoàng pháp trong hai năm 1695-1696. Thời gian này, đời sống Phật giáo xứ Huế và Quảng Nam có nhiều khởi sắc, tuy nhiên sau khi thiền sư về nước dòng Tào Động do thiền sư gây dựng chủ yếu hoạt động trong giới tôn thất.

Hạn chế của các tông phái Phật giáo Trung Hoa khi truyền vào Đàng Trong đó là khác biệt về truyền thống văn hoá, tôn giáo, trong đó bao gồm *thực hành nghi lễ*. Để khắc phục tình trạng trên, chính quyền tích cực *Việt hoá* các tông phái Phật giáo Trung Hoa thông qua việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo tăng, sãi, san khắc, in ấn, truyền bá kinh sách, tổ chức nhiều thực hành Phật giáo trong đời sống xã hội... Trên cơ sở đó, khoảng nửa đầu thế kỷ XVIII, một số dòng thiền “nội sinh” đã ra đời bao gồm: thiền phái *Lâm Tế Chúc Thánh* của tổ sư Minh Hải - Pháp Bảo người Trung Hoa, thiền phái *Lâm Tế Liễu Quán* của tổ sư Thiệt Diệu Liễu Quán người Việt Nam (quê Phú Yên). Từ đây, các chúa Nguyễn ra sức ủng hộ, tạo điều kiện cho các dòng thiền “nội sinh” phát triển.

Mặc dù tăng nhân Trung Hoa có vai trò đặc biệt quan trọng, song ở mỗi giai đoạn, các chúa Nguyễn lại gắn bó với các vị thiền sư thuộc các tông phái khác nhau. Bởi vì, người dẫn dắt các tông phái Phật giáo hầu hết là người Trung Hoa mang lại bất lợi cho tình hình an ninh chính trị - xã hội ở Đàng Trong. Do đó, khi các dòng thiền mới ra đời, nó đã

nhANH chóng thu hút được sự quan tâm đặc biệt của chính quyền chúa Nguyễn. Khác với các dòng thiền du nhập từ Trung Hoa, sự xuất hiện của các dòng thiền “nội sinh” với xu hướng *Việt hoá* bên cạnh việc kịp thời đáp ứng nhu cầu thực hành Phật giáo trong nhân dân, nó còn góp phần giảm thiểu những mối lo lắng về tình hình an ninh chính trị, đặc biệt trong bối cảnh chính quyền chúa Nguyễn đang phải dựa hoàn toàn vào nguồn nhân lực là tầng nhân Trung Hoa để phát triển Phật giáo.

2. Mối quan hệ giữa chúa Nguyễn với một số tầng nhân Trung Hoa tiêu biểu

2.1. Chúa Nguyễn với thiền sư Nguyên Thiều-Siêu Bạch

Trước những biến động chính trị ở Trung Hoa, đặc biệt, kể từ khi nhà Mãn Thanh tăng cường thống nhất quyền lực (năm 1678), nhiều đoàn người Hoa (Minh Hương - *Phản Thanh Phục Minh*) di cư đến Đàng Trong. Tiêu biểu là các nhóm Trần Thượng Xuyên và Dương Ngạn Địch gồm 3000 người với 50 chiến thuyền cuối thế kỷ XVII, nhóm Mạc Cửu xin sáp nhập *Hà Tiên* vào Đàng Trong thế kỷ XVIII. Ngoài một số người Hoa đến buôn bán sớm ở Hội An, chúa Nguyễn cho phép các nhóm đến sau cư trú ở các vùng *Mô Soài, Mỹ Tho, Gia Định...* Đặc biệt, đi theo các đoàn người Hoa (Minh Hương) di cư có nhiều vị là thiền sư, Nguyên Thiều-Siêu Bạch là một vị thiền sư trong số đó.

Theo một số nguồn tài liệu, thiền sư Nguyên Thiều (1648-1728) đến từ Quảng Châu (Trung Quốc) thế hệ thứ 33 dòng Lâm Tế ở Trung Quốc và là sơ tổ của thiền phái Lâm Tế ở Đàng Trong. Sau khi đến Đàng Trong, năm 1677 thiền sư lập chùa Thập Tháp-Di Đà ở phía Bắc thành Đồ Bàn (Quy Nhơn). Đáng chú ý, ngay sau khi thiền sư Hương Hải cùng 50 đệ tử bỏ trốn ra Bắc năm 1682, năm 1683, chùa Di Đà-Thập Tháp do thiền sư khai sơn trước đó chính thức được chúa Nguyễn ban *Sắc tứ*. Năm 1683 cũng là dấu mốc quan trọng trong mối quan hệ giữa chính quyền chúa Nguyễn và thiền sư khi thường xuyên được mời ra hoàng pháp ở *Thuận Hoá, Ngũ Hành Sơn (Quảng Nam), cửa biển Tư Dung...* Dưới các đời chúa Nguyễn Phúc Tần (1648-1687), Nguyễn Phúc Trăn (1687-1691) thiền sư được trọng dụng, quý mến [Nguyễn Hiền Đức, 1995: 99-104].

Trong hơn 10 năm được chính quyền chúa Nguyễn tin dùng (1683-1694), thiền sư Nguyên Thiều có những đóng góp cho công cuộc hoằng pháp ở Đàng Trong cụ thể như sau:

Thiền sư khai sơn các chùa gồm: *chùa Thập Tháp-Di Đà*, *chùa Kim Cang* (Quy Nhơn), *chùa Phổ Thành* hay *Hà Trung* (Thuận Hoá); *chùa Vĩnh Ân* hay *chùa Quốc Ân* (Phú Xuân), các ngôi chùa này đều được các chúa Nguyễn ban cho *Sắc tứ*.

Đặc biệt, Thiền sư còn có công lớn trong việc giúp chúa Nguyễn *thỉnh tăng*, mời được nhiều thiền sư Trung Hoa sang hoằng pháp ở Đàng Trong, đó là: Thiền sư Giác Phong khai sơn chùa Hàm Long (tức Bảo Quốc) ở Phú Xuân; Thiền sư Từ Lâm khai sơn chùa Từ Lâm (Phú Xuân); Thiền sư Minh Hằng-Tử Dung khai sơn chùa Ấn Tông hay chùa Từ Đàm (Phú Xuân); Thiền sư Minh Hải-Bảo Pháp khai sơn chùa Chúc Thánh (Quảng Nam); Thiền sư Hưng Liên-Quả Hoằng khai sơn chùa Tam Thai trên núi Ngũ Hành Sơn (Quảng Nam); Và một số thiền sư khác thuộc thiền phái Tào Động [Nguyễn Hiền Đức, 1995: 134].

Đáng chú ý, thiền sư Nguyên Thiều được chúa Nguyễn hỗ trợ mở các đại giới đàn truyền giới cho các tăng sỹ mới và các tăng sỹ thiền phái Trúc Lâm thọ giới. Số lượng đệ tử của thiền sư rất đông, trong số đó nhiều đệ tử đã tiếp nối sự nghiệp của ngài đi khắp nơi hoằng pháp, các khu vực *Phú Xuân, Thuận Hoá, Quảng Nam, Đồng Nai, Gia Định...* Nhờ công lao đóng góp của thiền sư Nguyên Thiều đối với công cuộc hoằng pháp ở Đàng Trong khiến cho thiền phái Lâm Tế có ảnh hưởng sâu sắc tới đời sống Phật giáo thời kỳ này. Trải qua nhiều thế hệ truyền thừa, ngày nay phái thiền Lâm Tế còn tiếp tục duy trì và tiếp tục phát triển ở nhiều tỉnh miền Trung và Nam bộ ở nước ta.

2.2. Chúa Nguyễn với thiền sư Thạch Liêm (Thích Đại Sán)

Trước một số sự cố chính trị năm 1692, 1694, nhất là các cuộc nổi loạn của người Hoa do Quảng Phú kết hợp với Linh Vương diễn biến phức tạp trên địa bàn từ Quảng Ngãi đến Quy Nhơn, chúa Nguyễn bắt đầu nghi ngờ các thiền sư người Hoa, đặc biệt là thiền sư Nguyên Thiều. Bởi vì, Nguyên Thiều có ảnh hưởng lớn đối với vùng đất Quy

Nhơn, tại đây còn có ngôi chùa tổ Thập Tháp-Di Đà do thiền sư khai sơn. Sau sự cố này, thiền sư rút về ẩn tu ở chùa Kim Cang và một số ngôi chùa gần rừng núi vùng Bình Định. Do đó hành trạng cuối đời của thiền sư cho đến nay vẫn còn nhiều tranh cãi. Mặt khác, đây là nguyên nhân khiến chúa Nguyễn Phúc Chu quay sang tin tưởng các thiền sư thiền phái Tào Động, đồng thời, cử người sang Trung Quốc *thỉnh tăng* về hoàng pháp. Nếu lấy sự kiện người Hoa nổi loạn ở Quy Nhơn năm 1694 làm dấu mốc Nguyên Thiệu ẩn tu, không lâu sau đó từ năm 1695-1696 chúa Nguyễn Phúc Chu đã mời được thiền sư Thạch Liêm sang hoàng pháp ở Đàng Trong.

Thiền sư Thạch Liêm hay Thích Đại Sán (1633-1704) thuộc đời thứ 29 thiền phái Tào Động ở Trung Quốc. Theo một số nguồn tài liệu, thiền sư Nguyên Thiệu đã đôi lần về Trung Hoa theo yêu cầu của các chúa Nguyễn để *thỉnh tăng, mua kinh* mang về Đàng Trong, thiền sư đã gặp gỡ thiền sư Thạch Liêm để mời sang Đàng Trong hoàng pháp nhưng chưa được nhận lời. Năm 1694, chúa Nguyễn Phúc Chu cử thiền sư Hưng Liên - Quả Hoằng, đệ tử của Thạch Liêm (thuộc đời thứ 30 thiền phái Tào Động) sang Trung Hoa mời thiền sư sang hoàng pháp. Lần này thiền sư Thạch Liêm đã chính thức nhận lời sang hoàng pháp (1695-1696). Thiền sư là người trực tiếp thọ giới cho Nguyễn Phúc Chu và một số nhân vật trong tôn thất. Nguyễn Phúc Chu là đệ tử thứ 30 dòng Tào Động. Do đó, Thích Đại Sán được coi là sơ tổ của thiền phái Tào Động ở Đàng Trong.

Đáng chú ý, trong hai năm hoàng pháp ở Đàng Trong, Thích Đại Sán đã mở được một số đàn pháp, đàn giới có quy mô hàng trăm, hàng nghìn người tham gia. Trong đó, đáng kể nhất là đàn giới tại Phú Xuân có hơn một nghìn người tham gia, đàn giới ở Quảng Nam có hơn 300 người tham gia học pháp, thọ giới và được nhận giới điệp [Thích Đại Sán, 2015, 111-123].

Thiền sư được cho là người khai sơn *Thiền viện Thiền Lâm*. Trước đó, Thiền Lâm là một ngôi chùa nhỏ, sau khi thiền sư đến Phú Xuân ở tại chùa Thiền Lâm đã tổ chức nhiều các đàn giới, đàn pháp quy mô lớn tại đây. Do đó, chúa Nguyễn cho nâng cấp mở rộng để phục vụ

kịp thời cho công cuộc hoằng pháp, chùa Thiền Lâm từ đó trở thành Thiền viện Thiền Lâm.

Đặc biệt, trong hai năm hoằng pháp ở Đàng Trong, thiền sư tổ chức được nhiều hoạt động, sự kiện Phật giáo có quy mô lớn. Ngoài các *đàn giới, đàn pháp* còn có *đàn tụng, đàn chay, đàn rước* nhân các dịp Phật Đản để cho dân chúng chiêm bái... Đời sống Phật giáo tại Phú Xuân, Quảng Nam thực sự trở nên sôi động. Trong quá trình vân du hoằng pháp, thiền sư để lại một số dấu ấn tại một số ngôi chùa Đàng Trong. Tuy nhiên, sau khi thiền sư về nước, do không có người dẫn dắt nên thiền phái Tào Động chủ yếu tập trung trong giới hoàng cung.

Nhìn lại bối cảnh Phật giáo tại Đàng Trong lúc đó chủ yếu dựa vào sự dẫn dắt của Nguyên Thiều và các thiền sư thuộc dòng Lâm Tế. Do đó, việc chúa Nguyễn đón thiền sư Thạch Liêm dòng Tào Động sang hoằng pháp, sự trợ giúp đặc lực của chính quyền đối với các hoạt động của thiền sư Thạch Liêm đã tạo ra một tiếng vang trong xã hội. Sự kiện này tạo ra sự đa dạng trong đời sống Phật giáo, đồng thời có tác dụng phá vỡ thế độc tôn của thiền phái Lâm Tế tại thời điểm đó.

Trong cuốn *Hải ngoại kỷ sự* của thiền sư Thạch Liêm có một số nội dung đáng chú ý. *Thứ nhất*, thiền sư Thạch Liêm ghé thăm một số ngôi chùa do thiền sư Nguyên Thiều từng trì trú trước đó (chùa *Hà Trung*) nhưng không gặp. Điều này, góp phần củng cố thêm nhận định về sự vắng mặt của thiền sư Nguyên Thiều ở Huế và Quảng Nam vì có thể đang ẩn tu ở Bình Định. *Thứ hai*, thiền sư Thạch Liêm và chúa Nguyễn Phúc Chu từng đàm đạo nhiều vấn đề về Phật pháp và quốc sự. Bên cạnh các ý kiến về việc tổ chức vận hành bộ máy chính quyền, gửi thư cầu phong Trung Hoa, bỏ hình phạt *tử hình* bằng voi, đáng chú ý, thiền sư phê phán gay gắt tình trạng Phật pháp rối loạn, giả tu, không giữ giới luật [Thích Đại Sán, 2015, 81-82]. Có thể Nguyễn Phúc Chu đã tiếp thu ý kiến này, năm 1707 chính thức ban hành các quy định kiểm tra văn điệp, giám sát tu trì, xử lý người giả tu [Quốc sử Quán triều Nguyễn, 2004: 121].

Với những nội dung trên đây cho thấy, ngoài hoạt động hoằng pháp, thiền sư Thạch Liêm đặc biệt có vai trò đóng góp đối với vấn đề

tổ chức, quản lý tăng, sãi nhằm tăng cường giới pháp, củng cố Tăng đoàn thời kỳ này.

2.3. Chúa Nguyễn với thiền sư Minh Hải-Pháp Bảo

Thiền sư Minh Hải-Pháp Bảo (1670-1746) thuộc thiền phái Lâm Tế đời 34, nghe Nguyên Thiều vận động đến Đàng Trong theo chủ trương hoằng dương Phật pháp của các chúa Nguyễn. Thiền sư là một trong số các thiền sư đi theo đoàn của thiền sư Thạch Liêm đến hoằng pháp ở Đàng Trong. Sau khi thiền sư Thạch Liêm về nước (năm 1696), thiền sư ở lại Quảng Nam. Năm 1697, thiền sư Minh Hải khai sơn chùa Chúc Thánh tại xã Cẩm Phô, phủ Điện Bàn, Quảng Nam (Hội An). Đây cũng là ngôi chùa tổ của thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh do thiền sư khai sơn, từ đây thiền phái này từng bước phát triển rộng khắp ở các khu vực Đàng Trong.

Như đã nêu sang đầu thế kỷ XVIII, đây là lúc quá trình *Việt hoá* Phật giáo Trung Hoa diễn ra mạnh mẽ, có thể thấy rõ điều này qua sự hình thành và phát triển của thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh.

Trước hết, tông chỉ của dòng Lâm Tế Chúc Thánh được thiền sư Minh Hải khẳng định trong bài kệ truyền pháp, đó là: “*Chúc Thánh thọ thiên cửu, Kỳ quốc tộ địa trường (Có nghĩa là Cầu chúc Thánh quân tuổi thọ, Chúc cho đất nước bền vững)*”. Ra đời trên nền tảng của dòng Lâm Tế (Trung Hoa) song Lâm Tế Chúc Thánh là dòng thiền *nội sinh*, nên ngay từ đầu đã nắm bắt kịp thời mong cầu của chính quyền và người dân Đàng Trong, ngoài tinh thần *hộ quốc an dân*, thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh còn thể hiện xu hướng *Việt hóa* sâu sắc trong quá trình hoằng pháp, hành đạo.

Người đầu tiên được thiền sư Minh Hải truyền đạo và đặc pháp là Thiệt Dinh-Ân Triêm là một thiền sư người Việt. Trong mười đệ tử truyền thừa của Minh Hải, Thiệt Dinh-Ân Triêm là đệ tử nổi bật, đặc biệt là việc phát triển dòng thiền Lâm Tế Chúc Thánh rộng khắp trong cộng đồng người Việt.

Dưới thời chúa Nguyễn, tại Quảng Nam hình thành hai sơn môn chính của thiền phái Chúc Thánh, đó là: sơn môn *Chúc Thánh* do thiền sư Minh Hải-Pháp Bảo khai sơn chủ yếu dành cho người Hoa,

son môn *Phước Lâm* thiền sư Thiệt Hạ-Triêm Ân khai sơn chủ yếu dành cho người Việt [Thích Đồng Bổn, Chu Văn Tuấn, 2021: 65 - 75]. Đặc biệt, để đáp ứng nhu cầu thực hành Phật giáo của các cư dân trên vùng đất mới khai hoang, thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh duy trì đường hướng tu tập, hành đạo khổ hạnh, giản dị gần gũi với người dân, nó để lại dấu ấn sâu sắc trong đời sống Phật giáo Đàng Trong. Trong dân gian còn lưu giữ những cách gọi dân dã đối với các ngôi chùa thuộc thiền phái Chúc Thánh đó là: *chùa Lúa* (Chúc Thánh), *chùa Khoai* (Phước Lâm), *chùa Cây Cau* (Vạn Đức)...

Ngoài ra, được sự hậu thuẫn của chính quyền chúa Nguyễn, một số sơn môn của thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh có vai trò quan trọng trong hoạt động san khắc, in ấn kinh sách Phật giáo. Kết quả khảo sát gần đây tìm được nhiều bộ ván khắc kinh sách Phật giáo tại hai ngôi chùa *Vạn Đức* và *Phước Lâm* (Quảng Nam). Những bộ kinh sách Phật giáo được khắc in đầu tiên dưới thời chúa Nguyễn đều được tìm thấy tại đây, tiêu biểu như: *Đại Thừa Kim Cang-Di Đà-Quan Âm Tam kinh* (1705) tại chùa Vạn Phước; *Thiền Tâm Thượng phẩm* (1706) tại chùa Vạn Đức [Lê Quốc Thọ, Nguyễn Phước Bảo Đàn, 2021: 989-1014].

Thời điểm thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh ra đời, ở Đàng Trong cũng có một dòng thiền *nội sinh* dựa trên nền tảng của Lâm Tế song do thiền sư Việt sáng lập đó là dòng thiền Lâm Tế Liễu Quán. Đây đều là các dòng thiền *nội sinh* có xu hướng *Việt hoá* mạnh mẽ nên các chúa Nguyễn dành sự quan tâm và tạo điều kiện cho hai dòng thiền này phát triển. Trên cơ sở đó, thiền phái Lâm Tế Liễu Quán phát triển mạnh ở Thuận Hoá, Phú Xuân, trong khi thiền phái Lâm Tế Chúc Thánh phát triển mạnh ở khu vực Quảng Nam-Đà Nẵng với các đạo tràng lớn như: *Chúc Thánh*, *Vạn Đức*, *Phước Lâm*, *Cổ Lâm* (Quảng Nam), *Tam Thai*, *Linh Ứng* (Đà Nẵng).

Nhận được sự hậu thuẫn của các chúa Nguyễn, trong khoảng 50 năm, thiền sư Minh Hải-Pháp Bảo có nhiều đóng góp cho công cuộc hoằng pháp Đàng Trong, đặc biệt trong lĩnh vực *in ấn kinh sách* và *Việt hoá nghi lễ* thực hành Phật giáo. Các thế hệ thứ hai, thứ ba của thiền sư tiếp tục sự nghiệp của ngài tiếp tục mở rộng phạm vi hoằng pháp ra khắp các dinh trấn, gồm: Quảng Nam, Phú Yên, Bình Định, Gia Định.

3. Một số nhận định đánh giá

3.1. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến sự hình thành mối quan hệ “đặc biệt” giữa chính quyền chúa Nguyễn với tầng nhân Trung Hoa ở Đàng Trong thế kỷ XVII-XVIII. Đối với các tầng nhân Trung Hoa (Minh Hương): Những biến động chính trị ở Trung Hoa khi nhà Mãn Thanh lên nắm quyền là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến các dòng người Hoa (Minh Hương) di cư đến các quốc gia lân cận, trong đó có vùng đất Đàng Trong. Đàng Trong là điểm dừng chân thuận lợi bởi chế độ chính trị cởi mở, cộng đồng người Việt nơi đây có nhiều điểm tương đồng về truyền thống văn hoá, tôn giáo, *đồng văn* về mặt chữ viết. Trong dòng người Hoa (Minh Hương) phần lớn là giới quý tộc cự thần nhà Minh, trong đó, có một bộ phận là thiền sư. Một số ý kiến cho rằng, việc các thiền sư Trung Hoa di cư hồi thế kỷ XVII-XVIII ngoài lý do chính trị họ còn chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi tư tưởng “*Vân du thủy*” vốn là một truyền thống của thiền tông Trung Hoa với quan niệm “*bất hoại cư*”- mang sứ mệnh đi khắp nơi hoằng pháp. Đặc biệt, Đàng Trong là vùng đất mới, ngoài các truyền thống văn hoá vốn có đang bị mai một, Phật giáo tiếp tục là một chỗ dựa tinh thần của cộng đồng lưu dân Việt. Quan trọng hơn, đây là thời điểm chính quyền Đàng Trong chủ trương đề cao Phật giáo, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Phật giáo phát triển. Trên cơ sở đó, Đàng Trong hội tụ đầy đủ những điều kiện thuận lợi để các thiền sư người Hoa (Minh Hương) gắn bó lâu dài nhằm phát triển sự nghiệp hoằng pháp của mình tại đây.

Đối với chính quyền chúa Nguyễn: nằm trong chính sách phát triển Phật giáo, ngay từ rất sớm đã coi Phật giáo là một trong những kế sách lâu dài trong sự nghiệp *trị nước an dân*. Sự có mặt của các dòng người Hoa (Minh Hương) trong đó các có thiền sư đúng vào thời điểm chiến tranh Trịnh-Nguyễn kết thúc (1672), Đàng Trong bước sang giai đoạn ổn định và phát triển, công cuộc *Nam tiến* đang đòi hỏi nguồn nhân lực lớn để phát triển kinh tế - xã hội. Do đó, chính quyền chúa Nguyễn có nhiều chính sách tạo điều kiện cho người Hoa (Minh Hương) nói chung và hàng ngũ tăng, sĩ nói riêng. Trên thực tế, chính quyền chúa Nguyễn rất chú trọng khai thác thế mạnh của tầng nhân Trung Hoa trong quá trình thực thi chính sách phát triển Phật giáo, như: *mua kinh, thỉnh tạng, xây chùa, san khắc, in ấn kinh sách*, tổ chức các thực hành Phật giáo có quy mô lớn, gồm: *mở đàn*

pháp, đàn giới, đàn tụng, đàn chay, đàn rước. Trên cơ sở đó, đời sống Phật giáo có nhiều khởi sắc, luân lý, đạo đức Phật giáo được phổ biến rộng rãi trong đời sống xã hội. Qua đó, các thiền sư Trung Hoa có những đóng góp quan trọng cho đời sống Phật giáo ở Đàng Trong thế kỷ XVII-XVIII.

3.2. Trong bối cảnh chính trị hết sức phức tạp, chính quyền chúa Nguyễn vừa phải củng cố quyền lực vừa phải đối mặt với các thế lực chống đối bên trong và bên ngoài, điều này ảnh hưởng trực tiếp tới mối quan hệ giữa chính quyền chúa Nguyễn với hàng ngũ tăng nhân Trung Hoa (Minh Hương). Ở mỗi giai đoạn các chúa Nguyễn lại gắn bó với các thiền sư thuộc các tông phái Phật giáo khác nhau. Tình trạng này được duy trì trong suốt một thời gian dài như một đường lối sách lược, chiến lược nhằm mục đích thúc đẩy sự phát triển của tất cả các tông phái Phật giáo. Ngoài ra, nó còn góp phần phá vỡ thế độc tôn của một tông phái Phật giáo duy nhất, bởi điều này tiềm ẩn những yếu tố bất lợi về an ninh chính trị gây khó khăn cho chính quyền Đàng Trong.

3.3. Trên cơ sở chọn lựa ba gương mặt tăng nhân tiêu biểu tương ứng với ba giai đoạn, mỗi vị thiền sư giữ vai trò đóng góp khác nhau đối với công cuộc chấn hưng Phật giáo Đàng Trong. Thiền sư Nguyên Thiều thiền phái Lâm Tế là người có đóng góp lớn đối với Phật giáo Đàng Trong, để lại dấu ấn sâu sắc cho đến ngày nay. Trong khoảng hơn mười năm hoằng pháp (1683-1694), thiền sư là người đặt nền móng cho Phật giáo Đàng Trong với hệ thống sơn môn và các thế hệ truyền thừa rộng khắp từ Nam sông Danh đến Nam Bộ. Kế tiếp, thiền sư Thạch Liêm thiền phái Tào Động được chúa Nguyễn thỉnh từ Trung Hoa sang hoằng pháp. Trong một thời gian ngắn (1695-1696), bên cạnh việc mang lại một luồng sinh khí mới cho Phật giáo Đàng Trong, những ý kiến của thiền sư về thực trạng Phật giáo ở Đàng Trong đã góp phần quan trọng cho việc chấn chỉnh giới pháp, củng cố Tăng đoàn. Sang nửa đầu thế kỷ XVIII, là lúc xu hướng *Việt hoá* các dòng thiền Trung Hoa diễn ra mạnh mẽ. Thiền sư Minh Hải với việc thành lập ra dòng thiền “nội sinh” Lâm Tế Chúc Thánh đã kịp thời đáp ứng mong cầu này của chính quyền và người dân. Trong gần 50 năm, thiền sư có đặt biệt nhiều đóng góp trong lĩnh vực in ấn, truyền bá kinh sách, *Việt hoá* các nghi lễ thực hành Phật giáo để nó trở nên gần gũi với đời sống người dân.

3.4. Tóm lại, những biến động chính trị ở Đàng Trong thế kỷ XVII-XVIII có ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống Phật giáo, đặc biệt là mối quan hệ giữa chính quyền chúa Nguyễn với các tầng, sãi. Tuy nhiên, nằm trong chính sách phát triển Phật giáo, chính quyền chúa Nguyễn đã có những biện pháp, ứng xử mềm mỏng, linh hoạt trong mối quan hệ với lực lượng tăng nhân Trung Hoa, khai thác ưu thế của các thiền sư Trung Hoa vào việc chấn hưng đời sống Phật giáo Đàng Trong. Trên cơ sở trình bày hoạt động hoằng pháp của các thiền sư Trung Hoa tiêu biểu, trong bối cảnh chính trị Đàng Trong và mối quan hệ với chính quyền chúa Nguyễn, các phân tích trên đã góp phần làm rõ vai trò đóng góp của các thiền sư người Hoa đối với đời sống Phật giáo ở Đàng Trong thế kỷ XVII-XVIII. Đáng chú ý, sự nghiệp hoằng pháp của các thiền sư Trung Hoa đã để lại những dấu ấn sâu sắc trong đời sống Phật giáo đương đại. Do đó, đối với các nghiên cứu Phật giáo vùng Nam Bộ và Nam Trung Bộ hiện nay, các vấn đề *son môn, hệ phái, vai trò hoằng pháp* của các thiền sư Trung Hoa ở Đàng Trong giai đoạn này (thế kỷ XVII-XVIII) là vấn đề hết sức quan trọng không thể bỏ qua./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dương Văn An (2009), *Ô Châu Cận lục*, Nguyễn Khắc Thuần (dịch, hiệu đính, chú giải), Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
2. Thích Hải Ấn, Hà Xuân Liêm (2001), *Lịch sử Phật giáo xứ Huế*, Nxb. TP. HCM.
3. Thích Đồng Bổn và Chu Văn Tuấn (2021), *Thiền phái Lâm tế Chúc Thánh lịch sử hình thành và phát triển*, Nxb. Hồng Đức, TP. HCM.
4. Huỳnh Ngọc Đáng (2018), *Chính sách của các vương triều Việt Nam đối với người Hoa*, Nxb. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh.
5. Nguyễn Hiền Đức (1995), *"Lịch sử Phật giáo Đàng Trong"*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Trần Xuân Hiệp (2013), "Sự du nhập và phát triển Phật giáo Đàng Trong thế kỷ XVII – XVIII: Nhìn từ phương diện tiếp xúc văn hoá" của *UED Journal of Social Sciences, Humanities and Education*, Vol.3, No.1 (2013);
7. Hội Văn học Nghệ thuật các dân tộc thiểu số TP. Hồ Chí Minh (2016), *Văn hóa người Hoa Nam bộ*, Nxb. VH-VN, TP. Hồ Chí Minh.
8. Trần Hồng Liên, Nguyễn Quảng Tuân, Huỳnh Lứa (1994), *Những ngôi chùa ở Nam Bộ*, Nxb. TP. Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh, tr. 5-10.
9. Trần Hồng Liên (2000), *Phật giáo trong cộng đồng người Việt ở Nam Bộ-Việt Nam (từ thế kỷ XVII đến 1975)*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
10. Quốc sử Quán triều Nguyễn (1977), *Đại Nam nhất thống chí*, Tập 1-5, Nxb. Thuận Hóa, Huế.

11. Quốc sử Quán triều Nguyễn (2004), *Đại Nam thực lục*, T1, Quốc sử quán Triều Nguyễn, Nxb. Giáo Dục, Hà Nội.
12. Chân Đạt Quan (1973), *Chân Lạp phong thổ ký*, Sài Gòn.
13. Thích Đại Sán (1969), *Hải Ngoại ký sự*, Viện Đại học Huế và UB Phiên dịch Sử liệu Việt Nam.
14. Nguyễn Hữu Sử (2013), “Vai trò của tăng sĩ Trung Hoa hoàng pháp tại Việt Nam thế kỷ XVII- XVIII”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, Số 4, 2013.
15. Nguyễn Ngọc Thơ (2018), *Người Hoa, người Minh Hương với văn hóa Hội An*, Nxb. Văn hóa Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh.
16. Lê Quốc Thọ- Nguyễn Phước Bảo Đàn (2021), “Di sản mộc bản Phật giáo Quảng Nam giá trị, định hướng bảo tồn và phát huy”, *Thiền phái Lâm tế Chúc Thánh lịch sử hình thành và phát triển*, Nxb. Hồng Đức, TP. Hồ Chí Minh.
17. Trương Thúy Trinh (2018), “Chính quyền chúa Nguyễn với Phật giáo ở Đàng Trong (giai đoạn 1558-1777)”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, Số 11(179), tr.12-30.
18. Trương Thúy Trinh (2022), “Tình hình kinh sách Phật giáo Đàng Trong thời chúa Nguyễn (bước đầu khảo cứu hệ thống mộc bản, kinh sách một số khu vực Đàng Trong thế kỷ XVII-XVIII)”, *Khoa học Xã hội Việt Nam*, Số 11, tr. 13-24.
19. Lê Bá Vương (2020), *Chính sách tôn giáo của chính quyền chúa Nguyễn ở Đàng Trong (Thế kỷ XVII-XVIII)*, Luận án Tiến sĩ, Trường ĐH Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh.

Abstract

THE NGUYEN LORD’S GOVERNMENT TOWARDS THE CHINESE MONKS IN COCHINCHINA DURING THE XVII-XVIII CENTURIES: SOME TYPICAL MONKS

Trương Thúy Trinh

Institute for Religious Studies, VASS

In the XVII and XVIII centuries, in a turbulent political context, Buddhism in Cochinchina faced difficulties, the most important being the lack of monks. In this situation, the Nguyen government tended to rely on the Chinese monks to revive Buddhist life in Cochinchina. Based on the perspectives of History, Politics, and Religious Studies, studies on some typical monks, the article focuses on analyzing the relationship between the Nguyen Lord’s government and Chinese monks, and the role of Chinese monks in Buddhist life in Cochinchina during this period.

Keywords: Buddhism, Monks, Cochinchina, Nguyen Lord, Chinese, 17th-18th centuries.